

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 09/02/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vũ;

2. Ông Nguyễn Chí Hữu.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mỏ Cày Bắc.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham dự phiên tòa: Ông
Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh
Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2021/TLST-DS ngày 13
tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Bé H, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: chị Lê Thị T1, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp L, xã T2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp L, xã T2, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị Bé H có yêu cầu giải quyết vắng mặt; chị T1, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2021 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bé H trình bày:*

Trước đây, chị Bé H có làm chủ hụi, chị T1 tham gia chơi hụi do chị Bé H tổ
chức, cụ thể như sau:

Dây thứ 1: hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/5/2015 âm lịch, gồm 24 người đến
ngày 15/4/2017 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia một phần, đến ngày 15/12/2015 âm
lịch chị T1 hốt hụi. Chị Bé H giao tiền hụi cho chị T1 số tiền là 36.840.000 đồng. Chị

T1 đóng hội chết từ ngày 15/01/2016 âm lịch đến ngày 15/6/2016 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ lại chị Bé H 09 tháng hội chết là 18.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 12/9/2015 âm lịch, gồm 22 người đến ngày 12/6/2017 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 12/10/2015 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 29.400.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 12/11/2015 âm lịch đến ngày 12/11/2016 thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 09 tháng hội chết là 18.000.000 đồng.

Dây thứ 3: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 13/01/2016 âm lịch, gồm 24 người đến ngày 13/12/2017 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 13/4/2016 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 33.200.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 13/5/2016 âm lịch đến ngày 13/02/2017 thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 10 tháng hội chết là 20.000.000 đồng.

Dây thứ 4: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/5/2016 âm lịch, gồm 23 người đến ngày 30/3/2018 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 30/9/2016 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 34.900.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 30/10/2016 âm lịch đến ngày 30/5/2017 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 10 tháng hội chết là 20.000.000 đồng.

Dây thứ 5: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 06/8/2016 âm lịch, gồm 22 người đến ngày 06/6/2018 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 06/9/2016 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 29.200.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 06/10/2016 âm lịch đến ngày 06/02/2017 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 15 tháng hội chết là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 6: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 20/9/2016 âm lịch, gồm 22 người đến ngày 20/6/2018 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 20/11/2016 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 29.600.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 20/12/2016 âm lịch đến ngày 20/3/2017 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 15 tháng hội chết là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 7: Hội 2.000.000 đồng mở ngày 09/01/2017 âm lịch, gồm 21 người đến ngày 09/9/2018 âm lịch mãng. Chị T1 tham gia 01 phần, đến ngày 09/01/2017 âm lịch chị T1 hốt hội. Chị Bé H giao tiền hội cho chị T1 số tiền là 29.000.000 đồng. Chị T1 đóng hội chết từ ngày 09/02/2017 âm lịch đến ngày 09/3/2017 thì ngưng không đóng nữa. Chị T1 còn nợ chị Bé H 18 tháng hội chết là 36.000.000 đồng.

Tổng cộng chị T1 còn nợ chị Bé H 88 tháng hội chết x 2.000.000 đồng/tháng = 176.000.000 đồng.

Từ ngày chị Bé H ngưng hội đến nay nhiều lần chị Bé H yêu cầu chị T1 trả tiền hội nhưng chị T1 không trả.

Nay, chị Bé H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị T1 và anh Phạm Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền hội còn nợ là 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2021, chị Bé H xác định từ trước đến nay chị T1, anh Đ chỉ nợ chị số tiền 177.500.000 đồng được ghi tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhưng chị Bé H chỉ yêu cầu

chị T1, anh Đ trả cho chị số tiền 176.000.000 đồng.

Do chị Bé H bận công việc và do dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2021, bị đơn chị Lê Thị T1 trình bày:

Chị T1 có nợ của chị Bé H số tiền là 176.000.000 đồng. Chị T1 và anh Đ, chồng chị T1, đồng ý trả số tiền này cho chị Bé H. Chị Bé H không yêu cầu tính lãi chị đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2021, chị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé H. Buộc chị Lê Thị T1, anh Phạm Văn Đ liên đới trả cho chị Bé H số tiền hội là 176.000.000 đồng. Ghi nhận chị Bé H không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/9/2021, chị Lê Thị Bé H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị T1, anh Phạm Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội là 176.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hội, họ, biểu, phường. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Bé H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Lê Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tiến hành xét xử vắng mặt chị Bé H, chị T1, anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của chị Bé H yêu cầu chị T1, anh Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền 176.000.000 đồng:*

Theo chị Bé H, chị T1 có tham gia chơi hụi do chị Bé H làm chủ, tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, chị T1, anh Đ thừa nhận có nợ của chị Bé H số tiền 177.500.000 đồng. Chị T1, anh Đ đồng ý trả số tiền này cho chị Bé H nhưng đến nay chị T1, anh Đ vẫn không trả. Tuy nhiên, chị Bé H khởi kiện chỉ yêu cầu chị T1, anh Đ phải trả cho chị số tiền 176.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị Bé H là tờ giấy không có tựa ngày 04/9/2020 âm lịch và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bé H, tại bản tự khai ngày 03/12/2021, chị Lê Thị T1 thừa nhận chị T1 có nợ của chị Bé H số tiền 176.000.000 đồng. Chị T1, anh Đ, chồng chị T1, đồng ý trả cho chị Bé H số tiền nợ nêu trên.

Xét thấy, chị Bé H và chị T1 đã thống nhất được số tiền còn nợ. Chị T1 thừa nhận và đồng ý trả tiền nợ hụi cho chị Bé H số tiền là 176.000.000 đồng, chị Bé H cũng đồng ý nên ghi nhận. Yêu cầu của chị Bé H là có căn cứ nên được chấp nhận, cần buộc chị T1 có trách nhiệm trả cho chị Bé H số tiền là 176.000.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường.

Chị Bé H yêu cầu chị T1, anh Đ trả lại cho chị số tiền vốn nêu trên mà không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Chị Bé H yêu cầu anh Đ, là chồng của chị T1, có trách nhiệm liên đới cùng trả cho chị số tiền nợ hụi 176.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của chị Bé H chị T1 đồng ý. Anh Đ vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có ý kiến. Tuy nhiên, tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” ngày 21/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, chị T1 thừa nhận chị có nợ của chị Bé H số tiền 177.500.000 đồng và đồng ý cùng với anh Đ trả số nợ trên cho chị Bé H. Số tiền này dùng vào việc xoay sở trong gia đình và anh Đ có biết số nợ này. Anh Đ cũng đã ký tên vào biên bản nêu trên. Từ các căn cứ vừa nêu có cơ sở buộc anh Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị T1 trả cho chị Bé H số tiền 176.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí:* chị T1, anh Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.800.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hui, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Lê Thị T1, anh Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Bé H số tiền nợ hui là 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận chị Lê Thị Bé H không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí: chị Lê Thị T1, anh Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho chị Lê Thị Bé H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002289 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung